

Tập 222

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm ba mươi sáu:

(Sao) Hữu tam-muội kiêm trì chú, hữu tam-muội kiêm tụng kinh, hữu tam-muội kiêm niệm Phật đảnh. Kim tiêu niệm cảnh, tức thị kiêm Niệm Phật tam-muội, giai trợ hiển bốn tánh chi Phật đã, hoặc trực hiển, hoặc trợ hiển, kỳ trí nhất đã. Huống sơ học phàm phu, chướng nhiễm nùng hậu, toàn tư thắng cảnh, phát ngã diệu tâm, thật vi tu hành yếu thuật, bất khả hốt đã.

(鈔)有三昧兼持咒，有三昧兼誦經，有三昧兼念佛等。今標念境，即是兼念佛三昧，皆助顯本性之佛也。或直顯，或助顯，其致一也。況初學凡夫，障染濃厚，全資勝境，發我妙心，實為修行要術，不可忽也。

(Sao: Có tam-muội kiêm trì chú, có tam-muội kiêm tụng kinh, có tam-muội kiêm niệm Phật v.v... Nay nêu lên niệm cảnh, tức là kiêm thêm Niệm Phật tam-muội, đều nhằm giúp hiển lộ vị Phật nơi bản tánh. Hoặc là trực hiển (hiển lộ trực tiếp), hoặc là trợ hiển (phụ trợ hiển lộ), nhưng đạt đến mục tiêu thì là một. Huống hồ phàm phu sơ học chướng nhiễm nồng đậm, hoàn toàn cậy vào cảnh thù thắng để phát khởi diệu tâm của chính mình, thật sự là cách thức trọng yếu trong tu hành, chớ nên sơ sẩy vậy).

Đoạn khai thị trong phần sau này hết sức khẩn thiết, có mối quan hệ chặt chẽ hết sức trọng yếu đối với sự thành tựu trong tu học của chúng ta. Trong phần trước đã nói: “*Trực quán tam đạo, hiển bốn tánh Phật*” (Quán thẳng vào tam đạo để hiển lộ vị Phật trong bản tánh); đó là nói theo Lý. Tiếp theo đây, hoàn toàn nói về sự tu học.

(Diễn) Hữu tam-muội kiêm trì chú giả, vị bất năng trực quán bốn tánh giả, cảnh dĩ dị phương tiện, trợ hiển Đệ Nhất Nghĩa, như Phương Đẳng tam-muội kiêm trì chú.

(演)有三昧兼持咒者，謂不能直觀本性者，更以異方便，助顯第一義，如方等三昧兼持咒。

(Diễn: “Có tam-muội kiêm trì chú” nghĩa là đối với người chưa thể quán trực tiếp bản tánh, bèn dùng phương tiện lạ lùng để giúp hiển lộ Đệ Nhất Nghĩa, như Phương Đẳng tam-muội có kèm thêm trì chú).

Do vậy có thể biết, để trực tiếp hiển lộ tâm tánh, pháp môn theo đường lối thông thường là Thiền Quán. Thiền Tông dùng phương pháp Quán Tâm, tham thoại đầu kém hơn, [phương pháp] trực tiếp là quán tâm. Tuy quán tâm là trực tiếp, kẻ bình phàm tuyệt đối chẳng thể làm được. Vì sao? Tâm người bình phàm rất thô tháo, thường nói là “thô tâm đại ý”, chẳng thể sử dụng pháp môn này. Về sau, Thiền Tông đổi sang tham thoại đầu, người căn tánh trung hạ cũng có thể sử dụng, nhưng người đắc Định thì có, rất ít thấy ai khai ngộ! Khai ngộ do tham thoại đầu chẳng dễ dàng, đặc biệt là trong thời cận đại, gần như chẳng thấy có người nào khai ngộ! Giống như lão pháp sư Đàm Hư đã nói, thời đại của Ngài xác thực thù thắng hơn thời đại hiện thời nhiều lắm, tức là trong bốn mươi, năm mươi năm trước, lòng người trong xã hội nồng hậu hơn hiện thời rất nhiều, hoàn cảnh cũng an định hơn rất nhiều, [thế mà] tham Thiền đã không dễ dàng, huống hồ hiện thời!

Chẳng thể dùng công phu này, lại cầu pháp phương tiện, pháp phương tiện là trì chú. Sự tu học trong Phương Đẳng kiêm trì chú rất nhiều. Kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà đều được xếp vào Phương Đẳng Bộ¹. “Phương Đẳng kiêm trì chú”, người niệm Phật trì kèm thêm

¹ Phương Đẳng Bộ (方等部) là một bộ (thể loại lớn) trong cách phân chia kinh điển Đại Thừa. Đây là cách phán giáo do ngài Ngẫu Ích đưa ra trong tác phẩm Duyệt Tạng Tri Tân, dựa theo ngũ thời phán giáo của tổ Thiên Thai Trí Giả. Ngài Thiên Thai chia kinh điển nhà Phật thành năm thời (Hoa Nghiêm, A Hàm, Bát Nhã, Phương Đẳng, Pháp Hoa). Trước đó, đa số các tông tuân theo cách phán định của Khai Nguyên Thích Giáo Lục, chia kinh điển Đại Thừa thành năm bộ là Bát Nhã, Bảo Tích, Đại Tập, Hoa Nghiêm và Niết Bàn. Ngài Ngẫu Ích đã gộp các kinh được xếp vào hai bộ Bảo Tích và Đại Tập thành Phương Đẳng, đồng thời kèm thêm những kinh trước đó không thuộc vào bộ Pháp Hoa, tạo thành Phương Đẳng Bộ. Trong Phương Đẳng Bộ, lại chia làm hai loại Phương Đẳng hiển thuyết và Phương Đẳng mật thuyết (các kinh chuyên dạy về Đà La Ni, Nghi Quỹ, Quán Đánh v.v...), nhưng cũng có những kinh tuy thuộc Phương Đẳng hiển thuyết lại kèm thêm nhiều bài chú như kinh Địa Tạng Thập Luân, kinh A Sai Mạt Bồ Tát v.v...

Vãng Sanh Chú, có người dùng phương pháp này. Nhưng trì chú có thể đắc lực hay không, xét theo lý luận, sẽ tương đồng với đọc tụng và niệm Phật, quyết định là chẳng xen tạp, không gián đoạn, không hoài nghi, công phu mới có thể đắc lực. Hoài nghi, xen tạp, sẽ hoàn toàn chẳng đắc lực. Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy: “*Niệm Phật kỳ nhất là xen tạp*”. Nói thật ra, trong hết thầy các pháp môn, Niệm Phật thù thắng nhất, mà nó còn kỳ xen tạp, thì những công phu khác đương nhiên càng kỳ xen tạp, xen tạp sẽ chẳng thể thành tựu. Các đồng tu bình phàm trong hiện thời chẳng biết chân tướng sự thật này, thích xen tạp, cứ nghĩ “chẳng xen tạp sẽ không thể đạt thành tựu”. Quan niệm ấy là cái gốc bệnh. Nhất định muốn đồng thời học nhiều pháp môn, trọn chẳng biết khá nhiều pháp môn tương khắc. Pháp môn Không Tông và pháp môn Hữu Tông tương khắc. Ví như niệm Phật là từ Hữu Môn mà vào, lại đồng thời học những thứ thuộc về Không Môn, sẽ bị tương khắc. Nhà Thiên niệm Phật một tiếng, phải súc miệng ba ngày. Thiên nói Không, Tịnh nói Hữu, phải biết điều này. Do vậy, bất luận tu học pháp môn nào, đều quý ở chỗ thâm nhập một môn. Từ Không để tiến nhập cũng được, mà từ Hữu để tiến nhập cũng được, quý vị hành theo một môn thì mới hồng thành tựu. Hành đồng thời hai môn, lại là hai môn Không và Hữu bất đồng, hết sức khó thành tựu!

(Diễn) Pháp Hoa tam-muội kiêm tụng kinh, Thập Lục Quán, Bát Châu Tam Muội cập dĩ thử kinh tắc kiêm niệm Phật. Vị chi kiêm giả, dĩ lý quán vi chánh, sự hành vi trợ cố.

(演)法華三昧兼誦經，十六觀、般舟三昧及與此經則兼念佛。謂之兼者，以理觀為正，事行為助故。

(Diễn: Pháp Hoa tam-muội kiêm tụng kinh. Kinh Thập Lục Quán, Bát Châu Tam Muội và kinh này thì kiêm niệm Phật. Nói là “kiêm” vì dùng lý quán là chánh yếu, dùng sự hành (thực hành nơi mặt Sự) để giúp thêm).

Thập Lục Quán Kinh, kinh Bát Châu Tam Muội, kinh Di Đà, những pháp môn này đều nói tới Niệm Phật tam-muội. Có [tam-muội] kiêm tụng kinh, từ đọc tụng có thể đạt được tam-muội. Nói thật ra, Giáo Hạ sử dụng phương pháp đọc tụng hết sức phổ biến, mà cũng hết sức có hiệu quả. Nay có nhiều đồng tu chúng ta niệm kinh Vô Lượng Thọ, đây chính là “*đọc tụng Đại Thừa*” trong Tam Phước như Quán Kinh đã nói.

Quý vị đạt được lợi ích nhờ đọc tụng, lợi ích gì vậy? Vọng tưởng ít, tâm địa thanh tịnh, trí huệ tăng trưởng; đây là tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ, từ chỗ này mà đạt được! Chư vị nhất định phải hiểu, chẳng tu hành thật sự sẽ chẳng tiêu nghiệp chướng được. Nghiệp chướng là gì, nhất định phải hiểu rõ ràng, rành rẽ. Nghiệp chướng là vọng tưởng. Công phu được thấy từ nơi đâu? Vọng tưởng của ta thật sự ít hơn trước kia, chánh niệm càng ngày càng nhiều. Chánh niệm là gì? Phật niệm. Nay thời gian ta tưởng Phật, thời gian niệm Phật nhiều, nhiều hơn vọng tưởng, thì đó là thật sự tiêu nghiệp chướng, là thành tích diệt tội nghiệp. Nếu quý vị đọc tụng hằng ngày, niệm Phật mỗi ngày, mà vọng niệm vẫn nhiều như vậy, [tức là] quý vị đọc tụng hoặc niệm Phật chẳng đạt được hiệu quả. Vì sao chẳng thu được hiệu quả? Tất nhiên là do hoài nghi, xen tạp, gián đoạn; khuyết điểm nầy sanh từ ba phương diện ấy. Thật sự chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, công phu nhất định đắc lực. Thời gian tu học ngắn, hiệu quả còn kém một chút. Nếu muốn đạt được hiệu quả rõ rệt, nhất định là thời gian tu học phải dài hơn. Nếu mỗi ngày có thời gian tu hành như vậy từ sáu giờ trở lên, đó gọi là “*tu hành đúng lý, đúng pháp*”. Đại khái là từ ba tháng đến nửa năm, sẽ có hiệu quả rất rõ rệt, cũng là vọng tưởng, tạp niệm ít đi, trong xử sự, đãi người, tiếp vật thấy rõ ràng hơn trước kia, chẳng hồ đồ, mờ mịt như trước. Đó là hiệu quả tu học, tu học có thành tích. “*Tâm tịnh, cõi nước tịnh*”, vãng sanh mới thật sự nắm chắc. Pháp môn này là “*kiêm niệm Phật, kiêm trì chú*”. Pháp môn này trì chú Vãng Sanh. Chú Vãng Sanh là mật thuyết của đức Phật. Nếu quý vị hỏi nội dung của bài chú ấy là gì ư? Nội dung là kinh Vô Lượng Thọ, là kinh A Di Đà, được mật thuyết (nói bí mật). Liên Trì đại sư soạn Di Đà Kinh Sớ Sao, đã xếp chú Vãng Sanh vào cuối kinh, nhằm hiển thị “*Hiển Mật viên dung, Tịnh và Mật bất nhị*”, có thâm ý trong ấy.

Tiếp đó, giải thích chữ Kiêm (兼) là “*dĩ lý quán vi chánh, sự hành vi trợ*” (dùng Lý để quán là chánh yếu, thực hành nơi mật Sự làm phụ trợ). “*Lý quán*” là tu tâm, là ý nghiệp; “*Sự hành*” là khẩu nghiệp và thân nghiệp. Nói cách khác, tu hành thì trước hết là phải sửa đổi quan niệm sai lầm, điều này vô cùng quan trọng. Vì sao cần phải có Sự tu (tu hành nơi mật Sự)? Sự giúp cho quý vị nhập Lý, đạo lý ở chỗ này. Lý và Sự có liên quan, đương nhiên nếu phép Quán ấy thành tựu, Cũng có thể nói là tư tưởng và kiến giải của quý vị đã hoàn toàn chánh xác, sẽ không bắt buộc phải tu ngữ và thân. Chúng sẽ tự nhiên đúng pháp, sẽ chẳng tạo nghiệp, do ý đã chánh! Tạo tác nơi thân thể và ngôn ngữ nơi miệng

chúng ta do ai chỉ huy? Ý thức chỉ huy. Ý thức đã thuần chánh, làm sao thân và miệng có làm lỗi cho được? Chẳng thể có làm lỗi. Có thể thấy tu hành trọng yếu ở chỗ tu tâm, phải sửa đổi cách nghĩ và cách nhìn sai lầm!

Nói tới tà chánh tuyệt đối, chỉ có tướng A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật thì cách nghĩ và cách nhìn sẽ chánh xác. Trừ pháp này ra, bất luận quý vị nghĩ gì, thấy gì, đều chẳng chánh xác, đều là sai lệch. Ta muốn hoằng pháp lợi sanh, mong phổ độ chúng sanh, vẫn là sai lầm, vẫn là dấy vọng tưởng! Tứ Hoàng Thệ Nguyên đã nói rõ ràng “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, có sao lại bảo [tâm mong hoằng pháp lợi sanh, phổ độ chúng sanh] sẽ là “dấy vọng tưởng”? Trong kinh, đức Phật chẳng nói sai lầm! Do nay quý vị đều chẳng thể độ chính mình, há còn có thể độ chúng sanh ư? Vì lẽ đó, quý vị phát nguyện độ chúng sanh bèn gọi là “dấy vọng tưởng”. Vì sao? Chính mình chưa đắc độ. Ất phải là sau khi chính mình đã đắc độ, quý vị đã thành Phật, thành Bồ Tát, khi ấy, quý vị khởi tâm động niệm phổ độ chúng sanh bèn gọi là chánh niệm, chẳng phải là vọng tưởng. Hãy ngẫm xem, nay chúng ta là thân phận gì? Người khác tán thán một tiếng, lòng tràn trề vui sướng. Người khác chửi mắng mấy câu, sẽ tức tối mấy ngày! Không được rồi! Đó là phàm phu. Nguyện của người ta là Bồ Tát nguyện! Do đó, đối với việc học Phật, độ chính mình trước chính là điều quan trọng. Để độ chính mình, hãy thật thà niệm Phật, phải thật thà! Quý vị đọc kinh, niệm Phật, đó là chánh niệm thật sự hiện tiền. Tiếng niệm kinh và Phật hiệu vừa buông xuống, vọng niệm liền dấy lên, rất đáng sợ! Chánh là gì, Kiêm là gì, quý vị bèn hiểu rõ.

(Sao) Kim tiêu niệm cảnh.

(鈔)今標念境。

(Sao: Nay nêu ra niệm cảnh).

Câu Phật hiệu là cảnh giới được niệm bởi chúng ta. Bộ kinh Di Đà này hoặc kinh Vô Lượng Thọ là cảnh giới được niệm bởi chúng ta.

(Sao) Tức thị kiêm Niệm Phật tam-muội, giai trợ hiển bản tánh chi Phật dã.

(鈔)即是兼念佛三昧，皆助顯本性之佛也。

(Sao: Tức là kèm thêm Niệm Phật tam-muội, đều nhằm giúp hiển lộ vị Phật trong bản tánh).

“*Bản tánh Phật*” là gì? Lìa khỏi vọng tưởng, chấp trước, chính là bản tánh Phật. Mục đích niệm Phật của chúng ta trong hiện thời là niệm sao cho hết vọng tưởng, chấp trước. Niệm đến mức trừ sạch vọng tưởng, chấp trước, bản tánh Phật bèn hiện tiền. Bản tánh Phật là Chân Như bản tánh đã hiện tiền. Đây là pháp môn phương tiện hết sức thù thắng.

(Sao) Hoặc trực hiển, hoặc trợ hiển, kỳ trí nhất dã.

(Diễn) “Hoặc trực hiển” hạ, hoặc vấn vân: Trực quán, trợ hiển công hạnh bất đồng, chứng quả chi thời, đắc vô thâm thiểu.

(鈔)或直顯，或助顯，其致一也。

(演)或直顯下，或問云：直觀助顯功行不同，證果之時得無深淺。

(Sao: Hoặc là trực hiển, hoặc là trợ hiển, nhưng đạt đến mục tiêu đều là một.

Diễn: Từ câu “hoặc là trực hiển” trở đi, có lẽ có người hỏi: “Trực quán và trợ hiển công hạnh khác nhau, khi chứng quả, há chẳng có sâu hay cạn ư?”)

Đây là lời vấn đáp giả thiết, nhằm nói rõ sự thật này. Có lẽ sẽ có người đưa ra câu hỏi như thế. “*Trực quán*” là công phu của nhà Thiền. “*Trợ hiển*”: Nay chúng ta trì danh, đọc kinh, trì chú đều là trợ hiển, chẳng phải là trực tiếp, đó là công phu khác nhau, chẳng giống nhau, chứng quả tự nhiên sẽ có sâu hay cạn. Trực quán thì công phu chứng quả sâu xa, trợ hiển thì công phu tương đối cạn hơn.

(Diễn) Cố vân trực quán, trợ hiển, tuy vân bất đồng, trực chí thành công, vô nhị, vô biệt, phương tiện đa môn, quy nguyên vô nhị cố.

(演)故云直觀助顯，雖云不同，直至成功無二無別，方便多門，歸元無二故。

(Diễn: Vì thế nói: Trực quán và trợ hiển tuy khác nhau, nhưng đạt đến thành công bèn chẳng hai, chẳng khác, do phương tiện có nhiều môn, nhưng trở về nguồn thì chẳng hai).

Đặc biệt là trong pháp môn Tịnh Tông, do có lắm kẻ hiểu lầm câu danh hiệu [A Di Đà Phật] thuộc về trợ hạnh. Trong các đồng học chúng ta, những người mấy năm qua mỗi ngày đều đọc tụng Đại Kinh, nghe

giảng về Tịnh Độ, ít nhiều cũng đã hiểu rõ vấn đề ấy phần nào; nhưng còn có rất nhiều người chưa thể thật sự hiểu rõ. Câu Phật hiệu này là đức hiệu của Chân Như bản tánh; do vậy, cổ nhân nói: “*Tâm năng niệm là Thử Giác, đức Phật được niệm là Bản Giác*”. Bản Giác là tự tánh. Nếu nhìn theo câu nói ấy, niệm câu A Di Đà Phật là trực hiển, chẳng phải là trợ hiển, chẳng khác gì quán tâm của Thiền Tông. Quán tâm là “*trực*”, niệm Phật cũng là “*trực*” y hệt như vậy. [Coi] “*quán tâm là trực*”, mọi người dễ dàng thừa nhận, nhưng mọi người dường như chẳng dám thừa nhận “*niệm Phật là trực*”, vì họ chẳng hiểu câu Phật hiệu A Di Đà Phật là tự tánh. Thiền Tông dùng phương pháp quán tâm để hiển lộ tự tánh, Tịnh Tông dùng phương pháp “*niệm tự tánh*” để niệm cho ra tự tánh. Theo cái nhìn của nhà Thiền, phương pháp này của chúng ta là trợ hiển; thật ra, nếu chúng ta thật sự triệt để hiểu rõ chân tướng của tông này, [sẽ thấy] niệm Phật là trực hiển, chẳng phải là trợ hiển. Huống chi pháp môn này được oai thần của chư Phật gia trì, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới quả báo thù thắng, tuyệt đối chẳng phải là sự thành tựu do tham thắng vào công án của Thiền Tông có thể sánh bằng! Họ đâu có biết chuyện này!

Chúng ta tu Tịnh Độ, đối với kinh Vô Lượng Thọ, Sớ Sao Diễn Nghĩa, và Yếu Giải, sau khi đã thâm nhập nghiên cứu, nếu còn có hoài nghi, vẫn ngỡ niệm câu A Di Đà Phật và niệm kinh Vô Lượng Thọ là gián tiếp, chẳng phải là trực tiếp, tức là quý vị chưa thật sự hiểu! Thật sự thông hiểu, [sẽ biết] niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm kinh Di Đà, niệm câu Phật hiệu đều là trực tiếp, chẳng phải là gián tiếp. Người khác nói pháp môn này là gián tiếp là vì họ chẳng lý giải, chẳng biết chân tướng sự thật. Pháp này được gọi là pháp khó tin!

(Sao) Huống sơ học phàm phu, chương nhiễm nùng hậu, toàn tư thắng cảnh, phát ngã diệu tâm.

(鈔)況初學凡夫，障染濃厚，全資勝境，發我妙心。

(Sao: Huống hồ kẻ phàm phu mới học, chương nhiễm sâu đậm, hoàn toàn cậy vào cảnh thù thắng để phát khởi cái diệu tâm của ta).

Nói thẳng thừng nhằm đối trị [những kiến chấp] của chúng ta.

(Diễn) Huống sơ học hạ, vị sở vân trợ hiển giai cửu tu thượng sĩ, lý quán tinh thuần, dẫn giả sự vi trợ. Nhược sơ học phàm phu chương nhiễm nùng hậu, lý quán hoang vu, toàn tư Di Đà thắng cảnh, phát

ngã linh minh diệu tâm, tu w tứ tự hồng danh, toàn thân trước đảo. Cố tri trì danh thật vi tu hành yếu thuật, bất khả hốt dĩ.

(演)況初學下，謂所云助顯皆久修上士，理觀精純，但假事為助。若初學凡夫障染濃厚，理觀荒蕪，全資彌陀勝境，發我靈明妙心，須於四字洪名，全身著倒。故知持名實為修行要術，不可忽也。

(Diễn: Từ câu “huống hồ hàng sơ học” trở đi, ý nói: Bảo là “trợ hiển” thì đều là bậc thượng sĩ tu tập đã lâu, Lý quán tinh thuần, chỉ mượn Sự để phụ trợ. Nếu là kẻ phàm phu sơ học, chướng nhiễm nồng đậm, lý quán mù mịt, thì phải hoàn toàn nương nhờ cảnh thù thắng của Phật Di Đà hồng phát khởi cái tâm mâu nhiệm linh minh của ta. Hãy nên toàn thân dốc sức nơi bốn chữ hồng danh. Vì thế biết trì danh thật sự là một thuật trọng yếu trong tu hành, chớ nên sơ sễ).

Đoạn này nói hết sức viên mãn. Nửa đoạn đầu nói về những bậc Pháp Thân đại sĩ như Văn Thù, Phổ Hiền, các Ngài đích xác là “*Lý quán tinh thuần*”, [thế mà] vẫn phải tín nguyện trì danh niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới có thể thành Phật viên mãn. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đã thấy chuyện này, trong kinh Vô Lượng Thọ cũng thấy. Pháp môn này nhiếp thọ chúng sanh viên mãn rốt ráo, trên là cho đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới là đến chúng sanh trong ác đạo, đều được gộp vào trong. Lại xét tới bọn chúng ta, đây là điều chúng ta quan tâm nhất, chúng ta là “*sơ học phàm phu, chướng nhiễm nặng hậu*” (phàm phu mới học, nghiệp chướng, ô nhiễm nồng đậm, sâu dày), “*chướng*” (障) là nghiệp chướng, “*nhiễm*” (染) là ô nhiễm, đặc biệt là trong thời đại hiện tại. Nói thật thà, đối với hết thấy sự vật thuộc thế gian và xuất thế gian ở ngay trước mắt, rốt ráo gì là thật, gì là vọng, gì là chánh, gì là tà, gì là đúng, gì là sai, đều chẳng hiểu rõ! Thị phi, tà chánh điên đảo lẫn lộn, [kẻ như vậy] chiếm tuyệt đại đa số, điều này đáng sợ đến cùng cực! Chính mình tạo một thân tội nghiệp mà chẳng biết, cứ ngỡ những hành vi của chính mình đều là chánh đáng. Vì sao? Quan niệm điên đảo. Cái tâm, tư tưởng, và kiến giải của quý vị từ ngày được sanh ra đã bắt đầu ô nhiễm, một mực ô nhiễm cho đến hiện thời, càng nhiễm càng nồng, càng nhiễm càng dày, làm sao quý vị hiểu tà chánh, đúng sai cho được? Chẳng thể nào!

Cổ đức có ưu điểm là từ bé đã đọc sách thánh hiền, các giáo huấn trong sách thánh hiền nhằm gột rửa những thứ ô nhiễm ấy mà thôi! Đối với những thứ quý vị bị ô nhiễm trong xã hội, các sách ấy sẽ dần dần gột sạch. Tuy gột trừ, nhưng chưa sạch hết, chỉ là bị nhuộm bản ít hơn một chút. Nay ta nhuộm bản mười phần, gột rửa bảy tám phần, cho nên đối với việc cân nhắc hết thảy lý sự, hãy còn có đôi chút tiêu chuẩn. Chẳng giống như hiện thời, sách thánh hiền đều không đọc, cả khuôn mặt đen thui, chẳng có gương soi, vẫn cứ tưởng mặt mũi của chính mình rất rạng rỡ! Sách thánh hiền là gương soi, khiến cho quý vị soi vào, ôi chao! Ta vốn xấu xí dường ấy! Hiện thời đã đánh mất gương. Xưa kia, đọc sách thánh hiền, họ (cổ nhân) còn có một tấm gương để thường soi rọi, chính mình còn phản tỉnh đôi chút. Nay chẳng cần đến những thứ ấy, trong tương lai đọa vào địa ngục A Tỳ, vẫn chẳng biết vì sao bị đọa. Vua Diêm La đến thăm vấn quý vị, [quý vị vẫn khăng khăng]: “Tôi làm bao nhiêu công đức”. Vẫn tranh biện cùng ông ta, vẫn cãi lầy với vua Diêm La. Vua Diêm La đâu có ngán, khởi tâm động niệm, nhất cử nhất động [của quý vị] đều được ghi chép ở nơi ấy (trong địa ngục). Dem sổ sách mở ra, cho quý vị tự xem, quý vị mới giác ngộ, đến khi đó, hối hận chẳng kịp, đã bị định tội rồi. Vì thế, chẳng đọc sách thánh hiền sẽ không xong!

Xưa kia, tại Trung Hoa, người đọc sách tối thiểu là có thể đọc thuộc lòng Tứ Thư, đó là mức độ thấp nhất. Chư vị ngẫm xem, quan trọng lắm! Không chỉ là phải đọc thuộc lòng, lại còn phải giảng giải. Không chỉ là phải giảng giải, các đồng học rèn giũa, giới mài lẫn nhau, nghiên cứu, thảo luận. Qua nghiên cứu, thảo luận, lý sự ngày càng minh bạch, càng ngày càng rõ rệt, cách nhìn, cách nghĩ, và cách làm của chính mình đối với hết thảy các pháp tự nhiên có tiêu chuẩn. Cổ nhân nói “*đọc thư chí tại thánh hiền*” (đọc sách noi theo chí của thánh hiền), học Phật lại càng chẳng cần phải nói nữa. Người học Phật chúng ta có chí muốn làm Phật, Phật là bậc đại thánh! Chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là đến làm Phật. Chư vị nhất định phải biết điều này.

Cách nghĩ, cách nhìn, và cách làm của chúng ta đối với hết thảy sự vật có giống Phật hay không? Phật có cách nghĩ như vậy hay không? Phật có cách nhìn như vậy hay không? Phật có cách làm như vậy hay không? Chư vị có thể thường nghĩ tưởng như vậy, đó là hồi quang phản chiếu, có thể quay đầu. Nhà Phật thường nói: “*Quay đầu là bờ*”, quay đầu như thế nào? Thường quay đầu, thường nghĩ tưởng, kiểm điểm, chúng ta mới có thể tỉnh táo, gột trừ đôi chút ô nhiễm. Đó gọi là quay đầu. Quay lại một lần, ô nhiễm bèn nhẹ nhàng mấy phần. Khi tạo tác hết

thấy các nghiệp, khởi tâm động niệm, hết thấy tạo tác sẽ tự nhiên thâm liễm đôi chút, chẳng dám buông lung. Đây là nói về phàm phu.

“*Lý quán hoang vu*”, do tâm tánh đã mê quá sâu, tư tưởng lẫn kiến giải đều thuộc loại tà tri tà kiến, lấy đâu ra lý để quán? Quán (觀) là quán chiếu. Mất sạch quán chiếu, chẳng có, nay chúng ta dựa vào đâu để tu hành? Nếu quý vị biết sự thật này, mới biết những vị tổ sư đại đức trong thời cận đại đã dạy: Trong Phật môn, quý vị tu học bất cứ pháp môn gì, cũng đều chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là vì chẳng có lý quán. Nếu lý quán trọn đủ, bất luận tu học pháp môn nào cũng đều có thể thành tựu; nay quý vị chẳng có! “*Lý*” là lý trí. [Người hiện thời] thuần là dựa vào tình cảm để xử sự, chẳng có lý tánh, chẳng có trí huệ! Quý vị khởi tâm động niệm, hết thấy tạo tác đều do tình thức chi phối, điều này quá đáng sợ! Trong trạng huống ấy, nếu quý vị chẳng học pháp môn này, sẽ chẳng cứu được! Pháp môn này có nơi nương tựa, hoàn toàn cậy vào cảnh giới Di Đà, dựa vào một câu A Di Đà Phật. Quý vị đọc tụng, bèn dựa vào một bộ kinh Di Đà hoặc kinh Vô Lượng Thọ. Dựa vào một bộ kinh này, đầu tiên là phải thuộc. Tôi dạy cho quý vị một phương pháp: Trước hết là phải niệm thuộc, đó là giai đoạn thứ nhất. Sau khi đã thông thuộc, phải nương theo kinh điển để tu hành; đó là giai đoạn thứ hai. Quý vị không thông thuộc, sẽ chẳng có tiêu chuẩn để tu tập. Sau khi đã thông thuộc, quý vị thời thời khắc khắc nghĩ tới những giáo huấn trong kinh Phật. Ta động một niệm, đức Phật nói một niệm như thế ấy hay không? Nếu đức Phật chẳng nói như thế, [tức là] một niệm này của ta trái nghịch giáo huấn của đức Phật, hãy ngay lập tức dứt trừ. Niệm ấy phù hợp với giáo huấn của đức Phật, đó là thiện niệm, chúng ta có thể làm, có thể tích lũy công đức, đoạn ác, tu thiện.

Kinh điển, đặc biệt là kinh Vô Lượng Thọ, giảng rất tỉ mỉ, giảng rất nhiều! Chúng ta khởi tâm động niệm đối với hết thấy chúng sanh thì niệm ấy có giống bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật hay không? Bốn mươi tám nguyện là nguyện tâm của đức Di Đà, nguyện tâm của chúng ta có giống như Ngài hay chẳng? Nương theo nguyện của Ngài để sửa đổi những ý niệm sai lầm của chúng ta. Do vậy, kinh chẳng thể không thuộc, phải thuộc lâu! Trước hết, khuyên chư vị niệm thuộc, sau đây bèn dùng các giáo huấn trong kinh điển để uốn nắn tư tưởng, kiến giải và hành vi của chúng ta, như vậy thì mới có thể đạt được lợi ích chân thật do đọc tụng. Quý vị chẳng đọc tụng, sẽ chẳng thông thuộc. Nói cách khác, quý vị vĩnh viễn chẳng có tấm gương ấy. Đã thông thuộc, tức là đã nắm được tấm gương trong tay, thường soi chiếu chính mình hòng

uốn nắn! Ở chỗ nào có dơ bẩn, bèn gột rửa, lau sạch, có một tấm gương để làm tiêu chuẩn. Chẳng có tấm gương ấy, chắc chắn quý vị chẳng biết tâm hạnh xấu xí của chính mình, chẳng có gì để căn cứ hồng sửa chữa!

Trong kinh, đức Phật có nói: Quả báo của việc chướng ngại [người khác] đọc tụng là trong A Tỳ địa ngục. Chướng ngại đọc tụng tức là quý vị xóa bỏ tấm gương của người khác. Bản thân quý vị chẳng cần gương, vậy thì quý vị tự làm, tự chịu, [thế mà] quý vị còn cắt đứt một tia hy vọng của người khác, quả báo chẳng ở trong địa ngục thì ai đọa địa ngục? Trong bản chú giải [kinh Vô Lượng Thọ], Hoàng lão cư sĩ đã chép ra những phân tích dẫn từ kinh điển, [khẳng định] trong hết thảy các kinh, đặc biệt là bộ kinh này, trong thời kỳ Mạt Pháp, bộ kinh này thật sự có thể cứu người. Nếu quý vị chướng ngại, nói cách khác, quý vị đã đoạn đứt Pháp Thân huệ mạng của chúng sanh. Nói thật thà, quý vị tiêu diệt toàn thể Phật giáo, tội ấy còn chẳng lớn hơn tội trở ngại người khác đọc tụng kinh này, chẳng có! Kinh này trực tiếp dạy người ta thành Phật. Đoạn mất nhân duyên thành Phật của người khác, còn khiến cho người ấy bị luân hồi trong lục đạo, đáng sợ lắm! Vì thế, chính mình chẳng đọc, quyết định chớ nên chướng ngại người khác, chớ vì đồng tu nhất định phải nhớ kỹ điều này. Tôi đã nói rõ ràng! Nếu trong tương lai, quý vị chướng ngại [kẻ khác], bị đọa địa ngục, về sau sẽ chẳng thể chửi tôi, chẳng thể trách: “Chuyện nghiêm trọng như thế mà sao thuở ấy thầy không bảo cho tôi biết?” Tôi đã bảo quý vị, mà quý vị vẫn cứ làm, chẳng có cách nào hết! Tôi đã nói rõ ràng, quý vị vẫn cứ làm, tự làm tự chịu mà!

Chúng ta là chúng sanh đời Mạt Pháp, hoàn toàn dựa vào bộ kinh này, hoàn toàn nương tựa câu danh hiệu này, toàn thân nương tựa, sẽ khởi tác dụng. Tác dụng ấy chính là niệm đến mức thân tâm thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh là “*phát ngã linh minh diệu tâm*” (phát khởi cái tâm màu nhiệm linh minh của chính mình), niệm cho phiền não, vọng tưởng, tri kiến (tri (知) là tri thức, kiến (見) là kiến giải) thấy đều đoạn hết. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói: Chân tâm là gì? Chân tâm là “*vốn chẳng có một vật*”. Trong tâm quý vị có một vật, đó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Niệm cho hết sạch những thứ tạp nhạp trong tâm, khiến cho trong tâm chỉ có một Phật hiệu, đó là đúng. “*Có tri trì danh thật vi tu hành yếu thuật*” (Cho nên biết trì danh thật sự là phương cách trọng yếu trong tu hành), “*thật*” (實) là chân thật, quyết định chẳng giả. Cổ nhân nói pháp môn này chân thật nhất trong các thứ chân thật, viên mãn nhất trong các pháp viên, chuyên nhất trong các pháp chuyên, đốn nhất trong các pháp đốn, tán thán đến tột cùng! “*Tu hành yếu thuật*”,

“yếu” (要) là trọng yếu, tinh yếu, “thuật” (術) là phương pháp, [“yếu thuật”] là phương pháp trọng yếu nhất. “Bất khả hốt dã” (Chớ nên sơ sễ), quyết định chớ nên chệnh mảng. Đoạn kế tiếp nói về cách niệm:

(Sớ) Minh niệm pháp giả.

(疏)明念法者。

(Sớ: Nói rõ về cách niệm).

Phân trên giảng về cảnh giới, nhằm dạy chúng ta có nhận thức chánh xác đối với lý luận của pháp môn này. Sau khi đã nhận rõ, sẽ chẳng còn hoài nghi, kiến lập tín tâm và nguyện tâm. Đoạn này sẽ giảng về phương pháp tu hành.

(Sớ) Vị ký văn thánh hiệu, yếu tại chấp trì. Chấp giả, văn tư thọ chi, dũng mãnh, quả quyết, bất dao đoạt cố.

(疏)謂既聞聖號，要在執持。執者，聞斯受之，勇猛果決，不搖奪故。

(Sớ: Nghĩa là đã nghe thánh hiệu, cốt yếu là chấp trì. “Chấp” là nghe điều ấy (bộ kinh này và danh hiệu đức Phật) rồi tiếp nhận, dũng mãnh, quả quyết, chẳng bị lay chuyển, chẳng bị đoạt mất ý nguyện).

Cách niệm ở ngay trong [câu kinh văn] “chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn”, phương pháp tu hành được giảng trong kinh Di Đà là tám chữ ấy, đặc biệt khẩn yếu là chấp trì danh hiệu. Danh hiệu thì mọi người đều biết, [chính là] bốn chữ A Di Đà Phật, đương nhiên khẩn yếu là hai chữ “chấp trì”. Chấp (執) là gì? Trì (持) là gì? Trước tiên, giải thích cho chúng ta biết: Chấp là gì? “Văn tư, thọ chi, dũng mãnh, quả quyết, bất dao đoạt cố” (Nghe điều ấy rồi tiếp nhận, dũng mãnh, quả quyết, chẳng bị lay chuyển, đoạt mất ý nguyện) chính là ý nghĩa của Chấp.

(Diễn) Văn tư thọ chi giả.

(演)聞斯受之者。

(Diễn: Nghe điều ấy rồi tiếp nhận).

Chữ “*tu*” (斯) nhằm chỉ bộ kinh này. Quý vị nghe những điều được giảng trong bộ kinh này phải hoàn toàn tiếp nhận.

(Diễn) Vị văn *tu* thù thắng pháp môn, thông thân lãnh hà, trực hạ thừa đương.

(演)謂聞斯殊勝法門，通身領荷，直下承當。

(Diễn: Nghĩa là: Nghe pháp môn thù thắng này, toàn thân tiếp nhận, gánh vác, ngay lập tức đảm đương).

Đó là “*chấp*”. Đức Phật giảng bộ kinh này, chúng ta nghe xong, hoàn toàn chấp nhận, suốt cả một đời hành đúng theo giáo huấn của đức Phật. Đó là Chấp. Chẳng thể hành đúng theo kinh này, sẽ chẳng gọi là Chấp. Có kẻ hiểu lầm, cứ ngỡ mỗi ngày niệm bộ kinh này một lần thì là thọ trì. Niệm một lần, hoặc niệm mười lần cũng vô dụng, [vì] chẳng làm theo! Miệng niệm mà tâm và hạnh đều chẳng tương ứng, sẽ như cổ nhân đã nói: “*Hãm phá hầu lung dã uổng nhiên*” (Gào toác cuống họng cũng uổng công). “*Hãm*” (喊) là lớn tiếng niệm, niệm rách toang cổ họng vẫn vô dụng. Mỗi ngày niệm một trăm bộ cũng vô dụng, phải làm được! Tôi nói với các đồng tu: Giai đoạn thứ nhất là thuộc, giai đoạn thứ hai là “*phải làm được*”. Không thuộc, sẽ chẳng làm được. Trong cuộc sống, từ sáng đến tối xử sự, đãi người, tiếp vật luôn khởi tâm động niệm. Dấy lên ý niệm, bèn hiểu: Trong kinh đức Phật đã nói như thế nào, ta có nên khởi ý niệm này hay chẳng? Ta có nên làm hành vi này hay không? Đó gọi là tu hành. Kinh chẳng thuộc, quý vị sẽ chẳng có tiêu chuẩn, quý vị tu bằng cách nào? Quý vị chẳng có cách nào tu được! Đó gọi là “*thông thân lãnh hà*” (toàn thân nhận lãnh, gánh vác), “*lãnh*” (領) là lãnh nạp, là tiếp nhận, hoàn toàn tiếp nhận, “*hà*” (荷) là gánh vác. Tiếp nhận là tự lợi, gánh vác là hoằng pháp lợi sanh. Không chỉ là bản thân ta phải làm như vậy, mà ta còn phải khuyên người khác làm như thế. Tự hành, hóa độ người khác, nay chúng ta nói là “*chuyên tu, chuyên hoằng*”. “*Chuyên tu*” có nghĩa là lãnh nạp, “*chuyên hoằng*” có nghĩa là gánh vác, chúng ta phải đảm nhận trọng trách ấy. “*Trực hạ thừa đương*” (Ngay lập tức đảm đương): Chính mình phải đảm đương, chẳng thể đùn đẩy cho người khác!

(Diễn) Dũng vãng trực tiền, bất vị tha kỳ sở động.

(演)勇往直前，不為他岐所動。

(Diễn: Mạnh mẽ tiến thẳng lên trước, chẳng bị lay động bởi những đường rẽ khác).

“*Tha kỳ*” (他岐) là lối rẽ, đường nhánh. Quyết chẳng bị dao động! Không chỉ chẳng bị pháp thế gian dao động, pháp thế gian là tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, ngũ dục, lục trần, tuyệt đối chẳng động tâm. Vì sao? Gánh vác gia nghiệp của Như Lai và trọng trách hoằng pháp lợi sanh, há còn rỗi hơi dính dáng đến những chuyện ấy nữa ư? Không chỉ là pháp thế gian chẳng động tâm, mà trong Phật pháp gặp gỡ những tông phái khác hoặc những pháp môn khác cũng chẳng động tâm, như vậy thì mới được. Chớ nên nói: Gặp Thiền thì Thiền hay lắm, ta cũng tham Thiền vài hôm. Gặp Mật, Mật cũng khá lắm, ta cũng theo họ niệm chú vài ngày. Vậy là hồng bát, chẳng có Cháp (cháp trì)! Cháp trì chẳng dễ dàng đâu nhé! Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian bày ra trước mặt mà như như bất động, chẳng lầy, chẳng bỏ, đó gọi là Cháp.

(Sớ) Trì giữ, thọ tư, thủ chi, thường vĩnh trinh cố, bất di vọng cố.
(疏)持者，受斯守之，常永貞固，不遺妄故。

(Sớ: Trì là đã tiếp nhận pháp ấy bèn gìn giữ cho thường hằng, bền chắc, chẳng để sơ sót, quên mất).

Đó là Trì. “*Trì*” là gìn giữ. “*Cháp*” là tiếp nhận. Sau khi đã tiếp nhận thì phải gìn giữ.

(Diễn) Vị lãnh tư thù thắng pháp môn.

(演)謂領斯殊勝法門。

(Diễn: Ý nói đã lãnh nhận pháp môn thù thắng này).

“*Lãnh*” (領) có ý nghĩa Cháp, cũng là tiếp nhận. Ta tiếp nhận pháp môn thù thắng như vậy.

(Diễn) Chung thân y phó, niệm niệm bất ly, dữ sanh câu sanh, bất chí trung đạo nhi phế dã.

(演)終身依付，念念不離，與生俱生，不至中道而廢也。

(Diễn: Suốt đời nương tựa, trông cậy [pháp môn] ấy, niệm niệm chẳng lìa, luôn gắn liền với cuộc đời, chẳng đến nỗi phế trừ giữa chừng).

Do đó, quý vị nhất định phải nhận biết sự thù thắng của pháp môn này. Vì sao đối với pháp môn này, người ta hoặc có, hoặc không, có lúc niệm, có lúc dứt? Do quý vị chẳng biết công đức chân thật của danh hiệu. Nếu quý vị biết công đức chân thật, lẽ nào có thể vứt bỏ cho được? Chẳng chịu vứt bỏ! Mọi người chẳng biết công đức chân thật của danh hiệu, có tin tưởng thì tín tâm cũng là lúc có, lúc không, một hồi tin tưởng, một hồi không tin, nguyện lẫn hạnh đều chẳng tha thiết. Như thế thì công phu của quý vị chẳng đắc lực. Công phu chẳng đắc lực, càng ngày càng hoài nghi, nguyện càng ngày càng thoái chuyển, khuyết điểm phát sanh từ chỗ này.

Do đó, vì quý vị giảng giải, nghiên cứu, thảo luận, nói rõ cặn kẽ, nhằm kiến lập tín tâm, [giúp quý vị] nhận biết rõ rệt chuyện này. Có như vậy thì quý vị mới hiểu: Đây mới là đại sự duy nhất trong một đời này, là chuyện có giá trị nhất trong mạng sống của chúng ta, là chuyện có ý nghĩa nhất, chẳng có gì thù thắng hơn! Quý vị thật sự nhận biết thì mới lý giải, cuộc sống mới đầy đủ, chính quý vị sẽ thật sự cảm nhận: Mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút, mỗi giây của ta đều chẳng phí uổng, cuộc sống của ta hết sức thực tiễn, đời người mới thật sự sung sướng! Trước kia, khi chưa hiểu rõ ràng, cuộc đời là sống say chết mộng, chẳng biết “Vì sao mà sống? Sống rốt cuộc để làm gì?” đều chẳng biết, là chuyện rất đáng thương. Trong cuộc sống, kẻ ấy làm sao có thể đạt đến sung sướng cho được?

Mấy câu kệ tiếp đã nói rõ ý nghĩa viên mãn của thọ trì. “Niệm niệm bất ly” (Niệm niệm chẳng lìa) là chẳng gián đoạn. “Dữ sanh câu sanh, bất chí trung đạo nhi phế dã” (Luôn gắn liền với cuộc đời, chẳng đến nỗi phế trừ giữa chừng). Niệm niệm chẳng gián đoạn. Chẳng gián đoạn thì chắc chắn là không xen tạp; hề xen tạp, nhất định bị gián đoạn. Quý vị dấy lên vọng tưởng, sẽ bị gián đoạn một chốc, xen lẫn vọng tưởng vào. Nếu Phật hiệu mà thật sự niệm niệm chẳng gián đoạn, vọng niệm làm sao có thể chen vào được? Vì vậy, chấp trì danh hiệu, “chấp” có nghĩa là chẳng hoài nghi, “trì” có nghĩa là không gián đoạn, không

xen tạp. Đây mới thật sự là chấp trì danh hiệu, đó chính là bí quyết niệm Phật.

(Sao) Chấp trì phân thích như thượng.

(鈔)執持分釋如上。

(Sao: Chấp trì được tách ra để giải thích như trên).

Tách hai chữ này ra để giảng, giống như đã nói trong phần trước: Chấp là gì, Trì là gì?

(Sao) Đơn ngôn Trì, tức nhiếp Chấp.

(鈔)單言持，則攝執。

(Sao: Chỉ nói là Trì thì đã bao gồm Chấp).

Tách hai chữ này ra để nói thì cũng được, mà nói gộp lại cũng được. Chỉ nói một chữ, bất luận nói chữ nào: Nói là Chấp thì trong Chấp đã bao gồm Trì. Nói là Trì thì trong Trì đã bao gồm Chấp. Do vậy, bất luận nói theo kiểu nào, ý nghĩa đều viên mãn.

(Sao) Tổng chi vi chuyên niệm bất vong ý dã.

(鈔)總之為專念不忘意也。

(Sao: Nói chung, sẽ là ý nghĩa “chuyên niệm chẳng quên”).

Có ý nghĩa “chuyên niệm chẳng quên”.

(Sao) Hựu trì phục hữu số chủng.

(鈔)又持復有數種。

(Sao: Lại nữa, trì lại có mấy loại).

Trì có đến mấy loại. Có rất nhiều đồng tu chẳng liễu giải, thường hỏi: “Chúng ta niệm Phật, rốt cuộc là niệm ra tiếng mới nên? Hay là chẳng niệm ra tiếng mới nên? Không niệm ra tiếng có được hay không?” Có người bảo: “Niệm Phật ra tiếng mới có thể vãng sanh, chẳng niệm Phật ra tiếng sẽ không thể vãng sanh”. Còn có những cách nói kiểu đó, đây chính là những quan niệm sai lầm! Niệm ra tiếng phải tốn hơi sức,

suốt ngày niệm từ sáng đến tối, hơi sức chẳng đủ thì làm thế nào được? Ở đây, đại sư đã giảng rất rõ ràng, minh bạch. Niệm Phật có rất nhiều phương pháp.

(Sao) Nhất giả, minh trì, vị xuất thanh xưng niệm.

(鈔)一者明持，謂出聲稱念。

(Sao: Một là minh trì, tức là xưng niệm ra tiếng).

Niệm ra tiếng thì lớn tiếng hay nhỏ tiếng đều chẳng sao cả! Cô nhân nói: “*Tiếng lớn thấy Phật lớn, tiếng nhỏ thấy Phật nhỏ*”. A! Vậy thì không có âm thanh, sẽ chẳng thấy Phật! Cách nói này xác thực là do cổ đức nói, nhưng kinh chẳng nói, nên quý vị phải ghi nhớ “*y pháp, bất y nhân*”. Vì sao tổ sư đại đức nói kiểu đó? Các Ngài nhằm ứng cơ thuyết pháp. Các Ngài nói lời này là nói với người nào? Chuyên đối với người ấy mà nói, chẳng phải là nói với mọi người. Có những kẻ vọng tưởng, hôn trầm đặc biệt nặng nề, liền bảo họ hãy lớn tiếng niệm, vọng tưởng sẽ mất. Niệm nhỏ tiếng thì vọng niệm của họ sẽ ồ ạt xuất hiện, chẳng thể đoạn, cho nên bảo họ niệm lớn tiếng. Hiện thời, nói thật thà, niệm lớn tiếng sẽ làm phiền người khác, người ta sẽ đến can thiệp, nhưng chẳng niệm lớn tiếng, đích xác là chẳng đuổi vọng tưởng được. Càng niệm, vọng tưởng càng nhiều! Đây cũng là chuyện phiền phức. Vì thế, tôi dạy các đồng tu, quý vị hãy dùng máy nghe nhạc cá nhân. Máy nghe nhạc có thể mở đến mức âm thanh lớn nhất, dùng ống nghe (headset). [Do nghe] âm thanh ấy, thật sự là vọng tưởng gì cũng đều chẳng có, hoàn toàn nghe Phật hiệu, người khác cũng chẳng nghe thấy, cũng chẳng làm phiền người khác. Âm thanh ấy chấn động quý vị, âm thanh nào khác cũng đều chẳng nghe thấy, chỉ là một Phật hiệu, nên vọng niệm cũng chẳng dậy lên được. Phương pháp này tốt lắm! Tiếng lớn hay tiếng nhỏ đều nhằm chữa bệnh, khi quý vị cần tiếng lớn thì dùng tiếng lớn, khi cần tiếng nhỏ thì dùng tiếng nhỏ.

(Sao) Nhị giả, mặc trì, vị vô thanh mật niệm.

(鈔)二者默持，謂無聲密念。

(Sao: Hai là mặc trì, ý nói không có âm thanh, niệm thầm).

“*Mặc trì*” (默持) là không phát ra âm thanh, chúng ta nói là “*mặc niệm*” (niệm thầm), miệng cũng chẳng động. Nói cách khác, trong tâm niệm Phật, nhìn theo hình tướng thì chẳng thấy [người ấy đang niệm Phật]. Có những đồng tu, người nhà phản đối họ học Phật, nên trong nhà chẳng dám bày kinh sách, tôi dạy họ niệm thầm, không cần phát ra tiếng. Ở trong hoàn cảnh nào, dùng phương pháp này để tu hành, sẽ chẳng có chướng ngại. “*Mặc trì, vị vô thanh mật niệm*” (Mặc trì là không có âm thanh, niệm thầm). Người khác không biết, phương pháp này áp dụng trong gia đình không học Phật, áp dụng khi quý vị đi làm. Khi đi làm, hề có chút thời gian rảnh rỗi bèn niệm thầm, không trở ngại người khác, người khác cũng chẳng thể trở ngại quý vị.

(Sao) Tam giả, bán minh bán mặc trì, vị vi động thân thiệt niệm, chú gia danh Kim Cang Trì thị dã.

(鈔)三者半明半默持，謂微動脣舌念，咒家名金剛持是也。

(Sao: Ba là bán minh bán mặc trì, nghĩa là khẽ động môi lưỡi để niệm, người trì chú gọi cách này là Kim Cang Trì).

Người niệm Phật gọi cách này là Kim Cang Trì (金剛持), trong Mật Tông cũng gọi [cách niệm này] là Kim Cang Trì, tức là miệng mấp máy, nhưng không phát ra âm thanh. Phương pháp này hết sức hay, vì sao? Có thể trì lâu dài. Niệm ra tiếng thì chẳng thể niệm lâu dài, tốn hao thể lực! Chẳng phát ra tiếng, niệm lâu dễ bị hôn trầm, niệm đến nỗi Phật hiệu cũng chẳng có, không biết đi đâu mất rồi! Kim Cang Trì là một phương pháp rất tốt, miệng động, thậm chí trên tay lần chuỗi, tuy động mà chẳng có âm thanh, có thể trì lâu dài.

Đây là nói có ba cách niệm như vậy, ba cách ấy có hiệu quả hoàn toàn giống nhau, chẳng có cao hay thấp. Công phu sâu hay cạn là do khi quý vị niệm Phật có vọng niệm hay không! Vọng niệm nhiều, công phu cạn. Vọng niệm ít, công phu sâu. Đương nhiên, khi bắt đầu niệm, nhất định là có vọng niệm. [Chứ nếu] vừa bắt đầu niệm đã chẳng có vọng niệm, quý vị là Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phàm nhân! Nếu là phàm nhân, nhất định sẽ có vọng niệm. Vọng niệm dấy lên, đừng sợ, quý vị phải giống như tham Thiền, lo chú ý câu thoại đầu, phải dồn sức chú ý tập trung nơi Phật hiệu, khiến cho câu Phật hiệu rành mạch, rõ ràng,

chẳng cần quan tâm tới vọng niệm. Mặc cho vọng niệm dấy lên, về căn bản là chẳng cần ngó ngang tới nó, như thế thì vọng niệm sẽ dần dần ít đi, Phật hiệu dần dần đặc lực. Có những kẻ khi vọng niệm dấy lên bèn sợ hãi, càng mong chế phục vọng niệm, càng nghĩ tới thì vọng niệm càng nhiều, chắc chắn là chẳng thể chế phục được, đã phạm sai lầm nơi phương pháp!

(Sao) Hựu hoặc ký số trì, hoặc bất ký số trì, cụ như Mật giáo trung thuyết, tùy tiện giai khả.

(鈔)又或記數持，或不記數持，具如密教中說，隨便皆可。

(Sao: Lại còn hoặc là trì bằng cách nhớ số, hoặc trì không nhớ số, cụ thể là như trong Mật giáo có nói, tùy thuộc phép nào thuận tiện [mà sử dụng] đều được).

Nhớ số hay không nhớ số chẳng quan trọng. Có người chủ trương nhớ số, có người chẳng chủ trương nhớ số. Thật ra, nhớ số hay không là vì mỗi người mỗi khác, vì công phu này nhằm để nhiếp tâm. Ta nhớ số bèn có thể nhiếp tâm thì phương pháp ấy cũng rất thực dụng đối với ta. Không nhớ số vẫn có thể nhiếp tâm thì ta chẳng cần nhớ số, khiến cho ta tu học càng hoạt bát, sống động, càng thâm nhập. Nói chung, tu hành phải áp dụng trong cuộc sống hằng ngày, sống động, hoạt bát thì quý vị mới có thể đạt được pháp hỷ. Công phu và cuộc sống chẳng thể tương ứng, sẽ không đạt được pháp hỷ, sẽ cảm thấy tu hành rất khổ. Có thể hòa quyện thành một khối với cuộc sống, quý vị sẽ cảm thấy tu hành rất vui sướng. Vì thế, đối với những chỗ giống như thế này, chớ nên chấp trước. Cầm tràng hạt (xâu chuỗi) để lần, nó có hai thứ tác dụng: Một là tác dụng nhớ số, hai là tác dụng nhắc nhở. Người ấy không nhớ số, có sao lần tràng hạt? Nhắc nhở chính mình, sợ chính mình quên bẵng Phật hiệu. Trông thấy tràng hạt, bèn nghĩ “ta phải niệm Phật”. Có người nhớ số, có người chẳng nhớ số, mỗi người có phương pháp riêng, cốt sao công phu đặc lực là được rồi.

(Sao) Nhi các phân Sự Lý.

(鈔)而各分事理。

(Sao: Nhưng mỗi pháp đều có chia thành Sự và Lý).

Cầm tràng hạt thì hoặc là niệm ra tiếng hay niệm thầm, trong ấy đều có Sự và Lý.

(Sao) *Ức niệm vô gián, thị vị Sự Trì.*

(鈔)憶念無間，是謂事持。

(Sao: *Nhớ nghĩ chẳng gián đoạn thì là Sự Trì.*)

Về mặt Sự, chẳng bị gián đoạn, đó là Sự Trì. Câu Phật hiệu của ta chẳng bị gián đoạn.

(Sao) *Thể cứu vô gián, thị vị Lý Trì.*

(鈔)體究無間，是謂理持。

(Sao: *Thể cứu² chẳng gián đoạn thì gọi là Lý Trì.*)

Trong phần trước, Lý Trì được gọi là trực quán, chẳng phải là Sự niệm (niệm theo mặt Sự). Xét theo Sự, người ấy chẳng niệm, nhưng tâm người ấy giống như tâm A Di Đà Phật, nguyện của người ấy giống như nguyện của A Di Đà Phật. Tư tưởng và kiến giải của người ấy tương ứng với tư tưởng và kiến giải của A Di Đà Phật. Đó là Lý Trì, điều này được gọi là “*thể cứu*”. Xét theo Sự, tuy chẳng niệm câu A Di Đà Phật, nhưng tâm nguyện giải hạnh nhất trí với A Di Đà Phật, chẳng khác biệt, thì gọi là Lý Trì.

(Sao) *Hạ đương tường biện.*

(鈔)下當詳辯。

(Sao: *Trong phần sau sẽ biện định cặn kẽ.*)

Đối với Sự Trì và Lý Trì, trong phần tiếp theo còn được nói rõ tường tận trong đoạn giảng về Nhất Tâm Bất Loạn. Phần giải thích câu “*nhất tâm bất loạn*” của Liên Trì đại sư chiếm đến một phần tám toàn bộ tác phẩm Sớ Sao, vì điều này là chuyện trọng yếu nhất trong công phu [tu tập].

² Trong tập 215, Hòa Thượng đã giảng chữ Thể Cứu như sau: “*Thể là ‘thể hội’ (thấu hiểu, lãnh hội), Cứu là tham cứu*”.

(Sao) Dĩ thị vi nhân.

(鈔)以是為因。

(Sao: Lấy đó làm cái nhân).

Đây là tu nhân, là sự tu hành trong Tịnh Tông.

(Sao) Hậu nhất tâm bất loạn.

(鈔)後一心不亂。

(Sao: Sau đó là nhất tâm bất loạn).

“Nhất tâm bất loạn” là quý vị đạt được kết quả, mà cũng là thành tích tu học của quý vị. Trong nhất tâm bất loạn, có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Sự nhất tâm và Lý nhất tâm cũng đều có thứ tự cạn hay sâu khác nhau.

(Sao) Diệc hữu Sự Lý, kỳ bất giải thử ý giả, dĩ niệm Phật thị bị độn căn, tham Thiền nãi năng ngộ đạo. Sơ cơ văn thử, mặc năng tự quyết, bất tri thể cứu niệm Phật, dữ tiền đại tôn túc giáo nhân cử thoại đầu, hạ nghi tình, ý cực tương tự. Cố vị “tham Thiền bất tu biệt cử thoại đầu, chỉ tiêu hướng nhất cú A Di Đà Phật thượng trước đảo”, diêu tai ngôn hồ!

(鈔)亦有事理，其不解此意者，以念佛是被鈍根，參禪乃能悟道。初機聞此，莫能自決，不知體究念佛，與前代尊宿教人舉話頭、下疑情，意極相似。故謂參禪不須別舉話頭，只消向一句阿彌陀佛上著倒，妙哉言乎。

(Sao: “Cũng có Sự và Lý”: Kẻ chẳng hiểu ý này, cho rằng niệm Phật là để thích ứng kẻ độn căn, tham Thiền mới có thể ngộ đạo. Kẻ sơ cơ nghe như vậy, chẳng thể tự quyết, chẳng biết thể cứu niệm Phật có ý nghĩa hết sức tương tự với chuyện các bậc cổ tôn túc dạy người ta đề khởi thoại đầu, dấy lên nghi tình. Vì thế nói “tham Thiền chẳng cần đề khởi câu thoại đầu nào khác, chỉ cần quy hết về một câu A Di Đà Phật để nghiền ngẫm”, lời ấy mâu nhiệm thay!)

Ý nghĩa này cũng nhằm trực tiếp bảo chúng ta: Niệm Phật là cách tham Thiên cao minh nhất, nhưng Thiên Tông không thừa nhận. Vì sao họ chẳng thừa nhận? Họ chẳng hiểu rõ! Sau khi đã hiểu rõ, mới thật sự liễu giải: Nguyên lai niệm một câu A Di Đà Phật là công phu rất sâu vi diệu trong Thiên Tông. “*Kỳ bất giải thứ ý giả*” (Kẻ chẳng hiểu ý này), do chẳng hiểu rõ, chẳng liễu giải nghĩa lý và chân tướng sự thật này, họ có quan niệm sai lầm, ngỡ niệm Phật là pháp để Thích Ca Mâu Ni Phật độ kẻ độn căn, tham Thiên nhằm độ hàng lợi căn, đều ngỡ căn tánh của chính mình rất nhạy bén, chẳng cam lòng làm kẻ độn căn. Thật ra, căn cơ [của chính mình] độn nhất! Thông thường, chúng ta nghe cách nói này bèn hoài nghi. Rất nhiều đồng tu niệm Phật nghe kẻ tham Thiên nói mấy câu, bèn chẳng niệm Phật nữa mà hành tham Thiên. Gặp phải Thượng Sư Mật Tông nói vài câu, chẳng niệm Phật nữa mà đi niệm chú. Đây là kẻ chẳng hiểu rõ, chẳng gặp gỡ một vị thiện tri thức thật sự! Quý vị gặp gỡ thiện tri thức thật sự, vị ấy sẽ chẳng dạy theo kiểu đó!

Khi tôi mới học Phật, gặp gỡ Chương Gia đại sư, Ngài là Mật Tông Thượng Sư, là một trong tứ đại Lạt-ma của Mật Giáo Trung Hoa, thuộc Hoàng Giáo³. Đệ tử của đại sư Tông Khách Ba là Đạt Lại (Dalai Lama), Ban Thiên (Panchen), Chương Gia (Changkya) và Triết Bất Tôn Đan Ba (Jebtsundampa)⁴, là bốn đại lãnh tụ Phật giáo ở biên cương

³ Hoàng Giáo là cách người Hoa gọi tông phái Cách Lỗ Ba (Gelugpa) của Tây Tạng. Tông phái này do đại sư Tsong Khapa (Tông Khách Ba) sáng lập, và được coi là hậu duệ của dòng Phật giáo Ca Đương Ba (Kadampa) truyền thừa bởi đại sư A Đê Sa (Atisha). Gelug có nghĩa là Quy Củ Tốt Lành, do phái này coi trọng giới luật, tăng sĩ bắt buộc phải sống độc thân, tuân thủ giới luật, không được phép kết hôn như các Lạt-ma thuộc các dòng Nyingma, Kargyu và Sakya, cũng như không được phép tu pháp “song tu thành tựu”. Do phái Gelugpa thường đội mũ vàng, trong khi các phái cổ hơn thường đội mũ đỏ, nên người Hoa thường gọi Gelugpa là Hoàng Mạo Phái (phái mũ vàng), hoặc gọi tắt là Hoàng Giáo (trong khi các phái cổ hơn được gọi là Hồng Giáo. Tuy nhiên, có khi Hồng Giáo chỉ dùng để gọi riêng tông Cổ Mật Nyingmapa). Phái này cũng chú trọng nhiều đến giáo nghĩa Duy Thức hơn các tông phái khác, đặc biệt là học thuyết Trung Quán. Tăng sĩ thuộc Hoàng Giáo bắt buộc phải học Nhân Minh, Bát Nhã Trung Quán, Luật Học, Câu Xá Luận, nhất là Hiện Quán Trang Nghiêm Luận và Trung Quán Luận, đặc biệt là Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận.

⁴ Đạt Lại Lạt Ma (thông thường gọi là Đạt Lai Lạt Ma hoặc Đại Lai Lạt Ma), danh xưng này phát nguồn từ tiếng Mông Cổ Dalai (biển lớn), một danh xưng được ban tặng bởi thủ lĩnh Mông Cổ tại Thanh Hải là Altan Khan cho vị tăng Sonam Gatso. Theo truyền thống, Sonam Gatso được coi là hóa thân của Gendun Drup (đại đệ tử của Tsongkhapa). Do đó, Gendun Drup được tôn là Đạt Lai Lạt Ma đời thứ nhất, và được coi là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát (vì Đạt Lai Lạt Ma đời thứ năm tự

xung như thế), trong khi đại sư Tsong Khapa được coi là hóa thân của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Ban Thiên (Panchen Erdeni), có nghĩa là đại học giả. Danh xưng này do Đại Lai Lạt Ma đời thứ năm (Ngawang Lobsang) đã tôn xưng thầy mình là Lobsang Choekyi, và do Đại Lai Lạt Ma thứ năm đã tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, đương nhiên thầy ông ta được tôn xưng là hóa thân của A Di Đà Phật. Đồng thời, ông ta cũng tôn xưng ba đời trước của tu viện trưởng tu viện Tashilungpo đều là các vị Ban Thiên Lạt Ma. Do vậy, Lobsang Choekyi trở thành Ban Thiên đời thứ tư. Do vị Ban Thiên thứ nhất là Khedrup Je cũng là một đại đệ tử của đại sư Tsong Khapa, nên các vị Ban Thiên đời đời là được coi là đồ đệ của Tsong Khapa. Tuy có quan hệ thầy trò, nhưng giữa Ban Thiên và Đạt Lai thường xảy ra xung đột về quyền bính. Ban Thiên Lạt Ma đời thứ chín (Thubten Choekyi Nyima) do tranh chấp quyền bính và thuế má với Đại Lai Lạt Ma đời thứ mười ba đã phải trốn chạy sang Mông Cổ vào năm 1924 và chết tại thành phố Gyêgu thuộc vùng tự trị Ngạc Thụ của Trung Hoa. Ban Thiên Lạt Ma thứ mười đã từng nhờ tướng lãnh quân phiệt Mã Bộ Phương đem quân đánh nhau với chính quyền Lhasa để giành quyền cai trị vùng Gyaltzen của Tây Tạng. Sau đó, ông ta cộng tác chặt chẽ với chính quyền Mao Trạch Đông trong việc sát nhập Tây Tạng vào Trung Hoa. Khi Đại Lai Lạt Ma lưu vong, Ban Thiên Lạt Ma đã trở thành chủ tịch bù nhìn ủy ban lâm thời tự trị Tây Tạng. Sau khi đi thăm khắp Tây Tạng với sự cho phép của Bắc Kinh vào năm 1962, Ban Thiên Lạt Ma vỡ mộng, viết thư phản đối gửi lên Mao Trạch Đông và chính quyền Trung Cộng, nên bị chính quyền Bắc Kinh giam cầm mãi cho đến năm 1977 mới được thả, nhưng vẫn tiếp tục bị giam lỏng tại nhà cho đến năm 1982. Từ năm 1978, ông ta đã hoàn tục, cưới vợ và có một người con gái. Tuy thế, người Tây Tạng vẫn tôn sùng Ban Thiên và dòng hóa thân này vẫn có Ban Thiên đời thứ mười một. Hiện thời người Tây Tạng vẫn đang tranh đấu để Trung Cộng phóng thích Ban Thiên Lạt Ma đời thứ mười một và coi Ban Thiên Lạt Ma đương nhiệm là bù nhìn giả mạo của chính quyền Bắc Kinh.

Chương Gia (lCang skya, Changkya) được coi là hóa thân của A La Hán Tôn Đạt (Chandaka, tức Xa Nặc, người giữ ngựa của thái tử Tất Đạt Đa). Vị Chương Gia Hộ Đồ Khắc Đồ đời thứ ba được tôn làm quốc sư của vua Càn Long, và từ đó, Ngài trở thành lãnh tụ Phật giáo của Mông Cổ cũng như cố vấn tôn giáo quan trọng của nhà Thanh. Thầy của hòa thượng Tịnh Không là Chương Gia đại sư đời thứ bảy, có tên gọi đầy đủ là Lobsang Pelden Tenpe Dronme (1890-1951, người Hoa thường phiên âm là La Tang Ban Điện Đan Tất Dung Mai). Khi mới lên chín tuổi, vị này đã được vua Quang Tự phong mỹ hiệu là Quán Đánh Phổ Thiệu Quảng Từ Chương Gia Hộ Đồ Khắc Đồ. Năm 1947, được phong thêm mỹ hiệu Hộ Quốc Tịnh Giác Phụ Giáo Đại Sư. Sư là chủ tịch hội Phật Giáo Trung Quốc tại Đài Loan cho đến khi tịch.

Triết Bất Tôn Đan Ba (Jebtsundamba, còn phiên âm là Triết Bồ Tôn Đan Ba, Javzandamba, Tối Thắng, Cao Vị Quang Minh Giả, hoặc Thánh Quang Minh Giả) là một lạt-ma cao cấp của vùng Mông Cổ, chỉ thua Chương Gia. Theo truyền thuyết, vị này vốn là một trong năm trăm vị La Hán thời Thích Ca Mâu Ni Phật, về sau chuyển thế thành học giả Đa La Na Tha (Taranatha, 1557-1634). Vị này đã nhận lời thỉnh cầu của Khả Hãn (Khan) bộ tộc Kalka người Mông Cổ đến Kuriye để truyền giáo suốt hai mươi năm, nên được dân chúng tôn sùng bằng danh xưng Triết Bồ Tôn Đan

Trung Hoa. Chúng tôi may mắn gặp được Ngài, Ngài chẳng dạy tôi trì chú, mà dạy tôi học Giáo, đổ công dốc sức nơi kinh điển. Đó là chánh xác. Chẳng giống những vị Kim Cang Thượng Sư bình phàm, vừa thấy quý vị bèn lập tức quán đánh, truyền dạy [Mật pháp] cho quý vị, dạy quý vị một pháp môn [trong Mật Tông]. Quý vị tu học, tu suốt một đời chẳng thể thành tựu. Thiện tri thức thật sự sẽ quan sát căn cơ, sẽ vạch ra một con đường cho quý vị đi, mong mỗi quý vị trong tương lai có thể đạt được kết quả, chẳng hại quý vị, chẳng gạt gắm quý vị. Đó là thiện tri thức thật sự. Ngày hôm qua, có một tỳ-kheo-ni đến tìm tôi, bà ta xuất gia tại chùa Thừa Thiên đã hai năm. Nay đã rời khỏi nơi đó, muốn tìm chỗ để trụ. Tôi hỏi bà: “Vì sao bà xuất gia?” Bà ta đáp không được! Hồ đồ, mơ màng xuất gia, làm sao được nữa! Gần đây thường có người muốn đến xuất gia với tôi, tôi liền hỏi họ: “Động cơ (motivation) xuất gia của quý vị là gì? Vì sao quý vị muốn xuất gia?” Họ nói rất nhiều lý lẽ, tôi nghe xong, [cảm thấy] đều chẳng phải là lý do [chánh đáng] để xuất gia. Tôi nói: “Những điều đó tại gia vẫn có thể làm được, không cần phải xuất gia”. Xuất gia khó khăn, chẳng dễ dàng! Tôi phân tích cho bà ta nghe, cuối cùng bà ta khai ngộ, hoàn tục.

Mục đích phải thuần chánh, Tăng đoàn có cùng một mục tiêu, một phương hướng, mọi người ở chung với nhau, nỗ lực hướng đến một mục tiêu, một phương hướng chung thì mọi người ở chung với nhau mới rất vui sướng. Nếu chẳng có mục tiêu và phương hướng chung, mỗi người áp ủ một mưu tính riêng, ở chung với nhau, cuộc sống sẽ khó sống lắm! Do đó, phải hiểu người và người đối xử với nhau chẳng đơn giản. Một gia đình mấy người còn có mối quan hệ máu mủ mà còn đối xử với nhau chẳng tốt đẹp, huống hồ một đoàn thể đông người như thế, trong quá khứ cũng chẳng có quan hệ gì, lại còn mỗi ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ ở chung với nhau. Trong nhà quý vị, đi làm mất tám tiếng đồng hồ, khi trở về, mỗi ngày chỉ tụ họp có mấy giờ, mà còn cảm ràm, cãi cọ. Những người xuất gia chẳng đi làm, lại chẳng cần phải đi ra ngoài, mỗi ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ ở chung với nhau, không cảm ràm, cãi cọ, chẳng dễ dàng! Đối với chùa miếu, đoàn thể, pháp sư nào đi nữa, chúng ta chớ nên hủy báng, chớ nên phê bình. Tôi chỉ có thể nêu ra ý kiến này để chính quý vị suy nghĩ cho kỹ. Quý vị đến Tăng đoàn có lắm

Ba, nhưng dòng truyền thừa này chỉ tính từ đời thứ nhất khi các học trò tôn xưng Zanabazar là hóa thân của Taranatha. Vị Jebtsundamba cuối cùng là đời thứ chín, sinh năm 1932 và mất năm 2012.

kẻ xa lạ ngàn ấy, có thể ở chung với họ hay không? Có thể ở yên ổn, không xảy ra chuyện gì, chẳng cãi lầy hay không? Chẳng dễ dàng.

Xã hội hiện thời đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”, nghe lắm kẻ giảng, sẽ chẳng có cách nào quyết định trong một đời này ta muốn học gì, muốn hành theo pháp môn nào, hồng bát! Suốt một đời, quý vị theo cô định một vị thầy thì còn có một con đường để đi! Thầy phải chịu trách nhiệm về kết quả. Nếu quý vị có mấy vị thầy chỉ dạy, nghe theo mấy vị thầy, sẽ chẳng có con đường nào để theo, điều này rất trọng yếu! Vì thế, thiện tri thức thật sự sẽ thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chúng ta.

“*Bất tri thể cứu niệm Phật*” (Chẳng biết thể cứu niệm Phật), “*thể cứu*” (體究) là công phu, cũng là Lý niệm. Lý niệm và Thiền Tông hoàn toàn giống nhau. Trong quá khứ, bậc từng trải thật sự sẽ dạy người ta khác hẳn, ở đây nói là “*tiền đại*”, tiền đại (前代) là thời cổ. “*Tôn túc*”, “*tôn*” (尊) là nói tới những vị đại đức thông thường, bậc đại đức Thiền Tông “*giáo nhân cử thoại đầu, hạ nghi tình, ý cực tương tự*” (dạy người khác đề khởi thoại đầu, dấy lên nghi tình, ý hết sức tương tự). Xét theo lý luận và phương pháp, thể cứu niệm Phật và tham cứu trong Thiền Tông đều giống nhau. Vì thế, thẳng thừng dạy người tham Thiền chẳng cần tham câu thoại đầu nào khác, cứ tham câu “*người niệm Phật là ai*” là được rồi, có niệm hay không? Niệm! Suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật. Niệm A Di Đà Phật xong bèn nghĩ “*niệm Phật là ai?*”, “*ai đang niệm Phật?*” Khởi lên mỗi nghi tình ấy, chỉ cần hướng đến một câu A Di Đà Phật để nghiền ngẫm là được rồi!

(Diễn) Cổ vân: “*Nam-mô A Di Đà Phật, Tông Môn đầu tác công án đặng*”, thị dã.

(演)古云：南無阿彌陀佛，宗門頭則公案等，是也。

(Diễn: Cổ nhân nói: “*Nam-mô A Di Đà Phật chính là công án trong Tông Môn*” v.v... là nói về ý này).

Những câu ấy đều xuất phát từ miệng các vị đại đức trong Thiền Tông. Bậc từng trải mới biết niệm Phật chẳng khác tham Thiền, công đức còn to hơn tham Thiền, quả báo còn thù thắng hơn tham Thiền. Chớ nên không biết điều này! Đã biết thì trong tương lai, khi tiếp xúc Thiền Tông, sẽ chẳng bị nó lay động. Cũng giống như vậy, tiếp xúc bất cứ tông phái hay pháp môn nào, chính mình đều có thể như như bất động, hiểu

rõ ràng, đó là Huệ. Quý vị thấy thấu suốt, hiểu rõ ràng, rành mạch pháp thế gian và xuất thế gian, trong tâm như như bất động, đó là nhất tâm bất loạn. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây.